CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tập đoàn Đua Fat

Ngày 30/09/2025	1,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-7.7%	**-7.7%**	**-**

DT thuần
Q3/25
43.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.80| -1.9%
YoY: ▲ 17.6| 68.1%

LN thuần
Q3/25
-365
tỷ VNĐ
QoQ: ▼128| -54.0%
YoY: ▼312| -591%

LN sau thuế
Q3/25
-368
tỷ VNĐ
QoQ: ▼142| -62.8%
YoY: ▼315| -594%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
-728%
YoY: +/-▼ 291%

ROE (TTM)
Q3/25
-4748%
YoY: +/-▼ 4482%

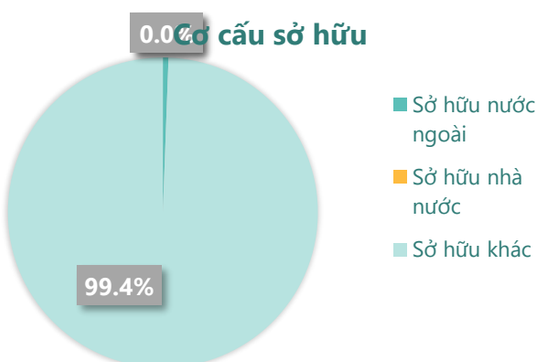
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,200 - 2,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	96
Số lượng CPLH (CP)	80,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,078,205
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	1.23
EPS	-11,570
P/E	-0.1

DT thuần
9T 2025
162
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 55.0| 51.0%

LN thuần
9T 2025
-719
tỷ VNĐ
YoY: ▼532| -284%

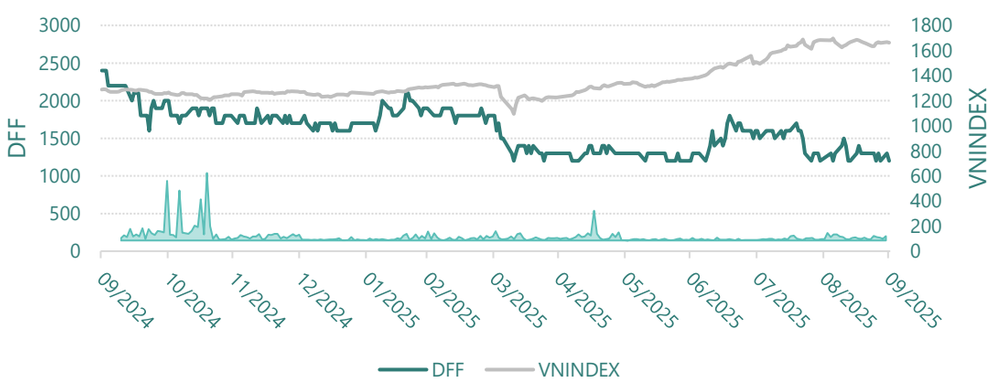
LN sau thuế
9T 2025
-711
tỷ VNĐ
YoY: ▼523| -278%

Cơ cấu sở hữu

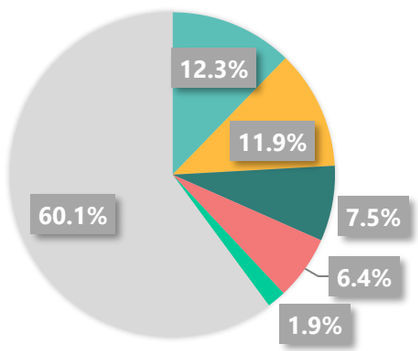


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

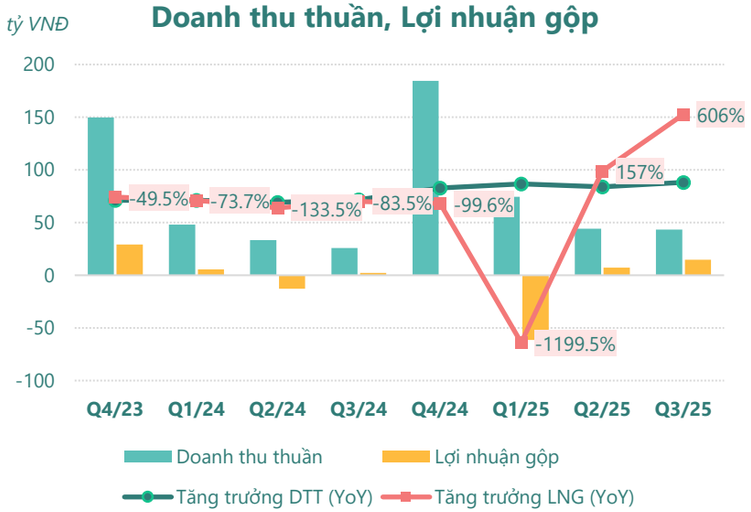


- Lê Duy Hưng (Chủ tịch HĐQT)
- Hồ Thị Lý
- Nguyễn Cảnh Trung (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Thị Thùy Linh (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Trọng Tài
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

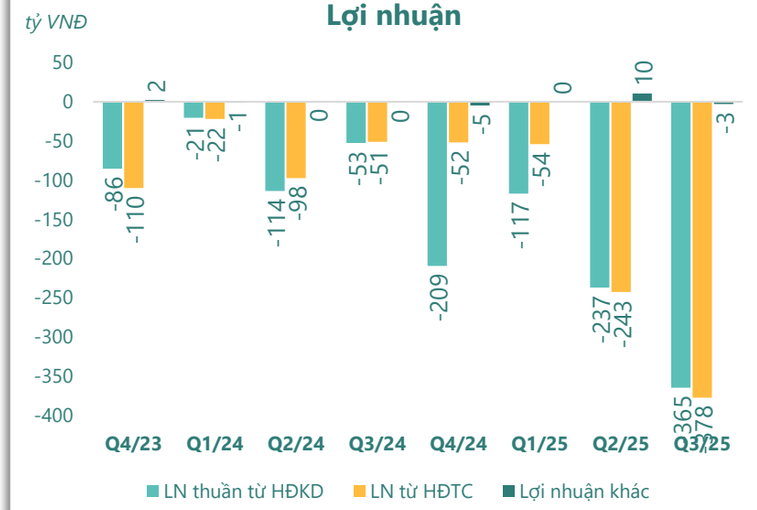
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



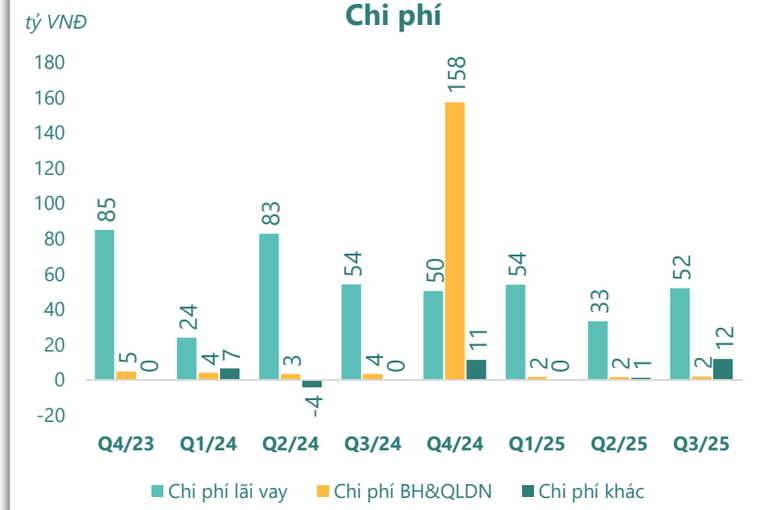
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



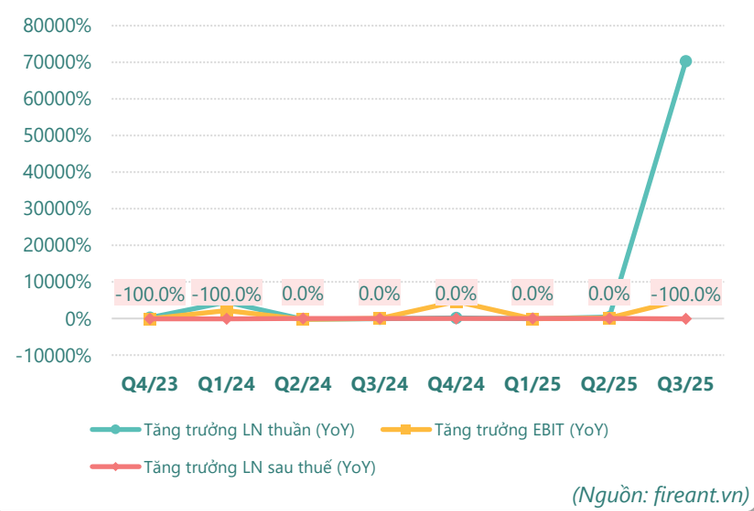
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



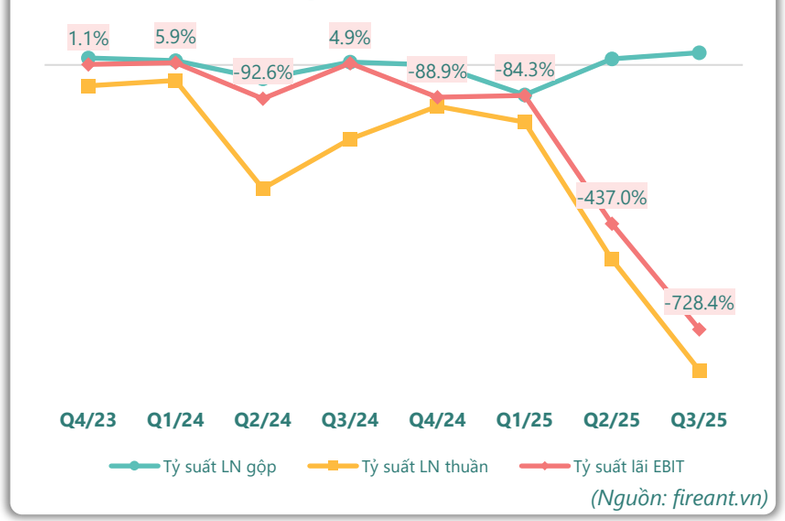
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



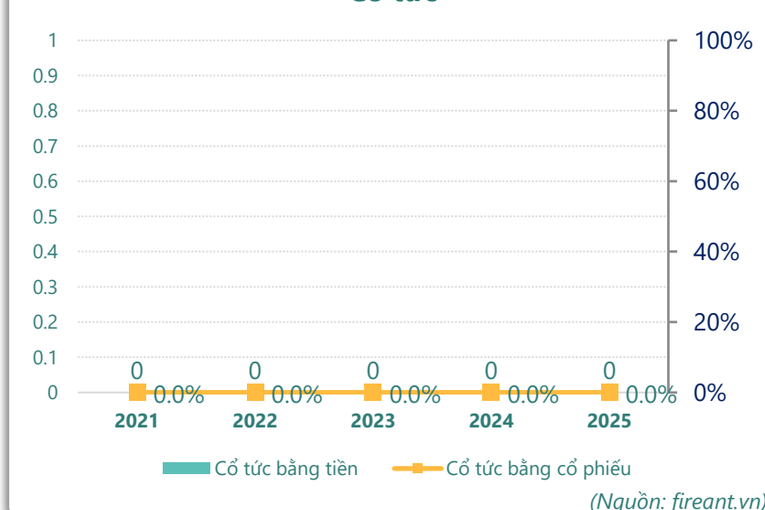
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

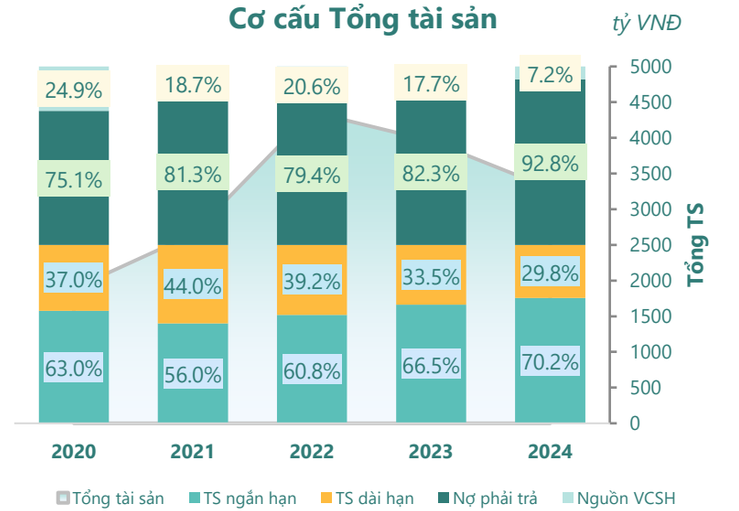
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

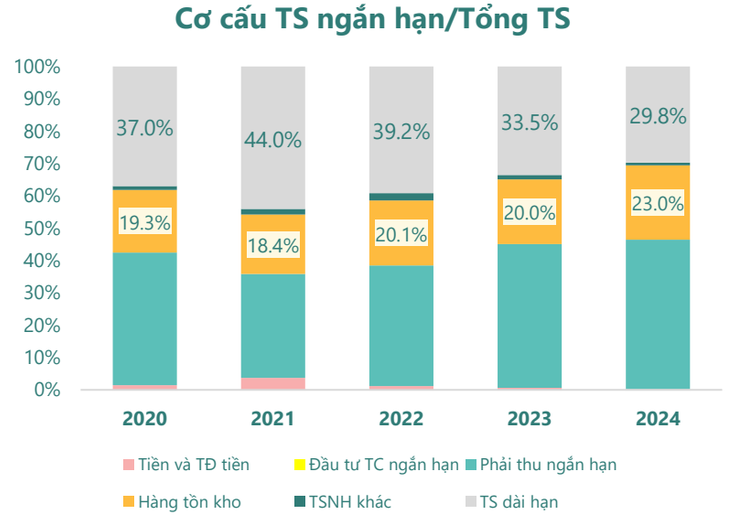
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



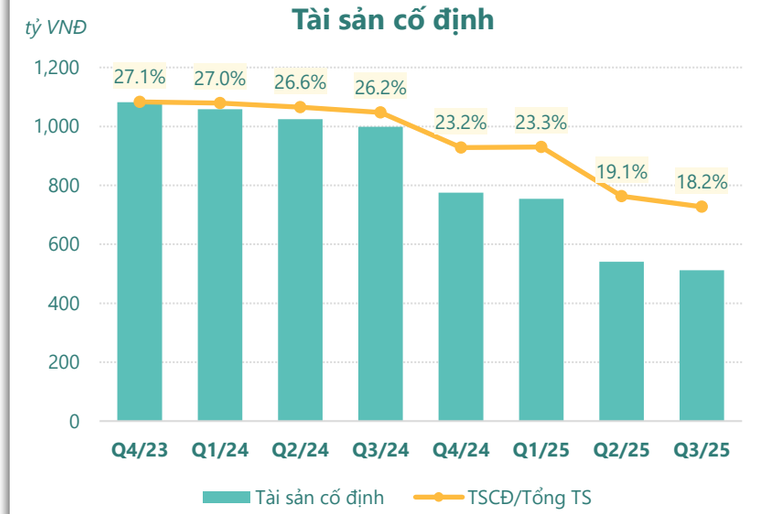
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



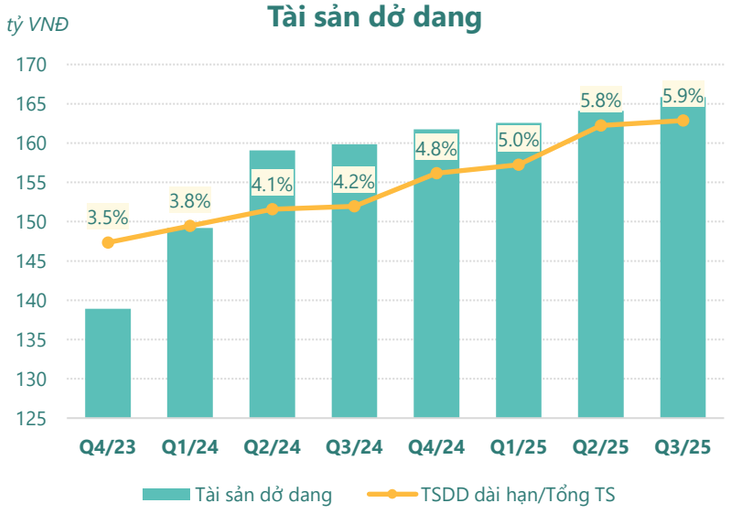
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



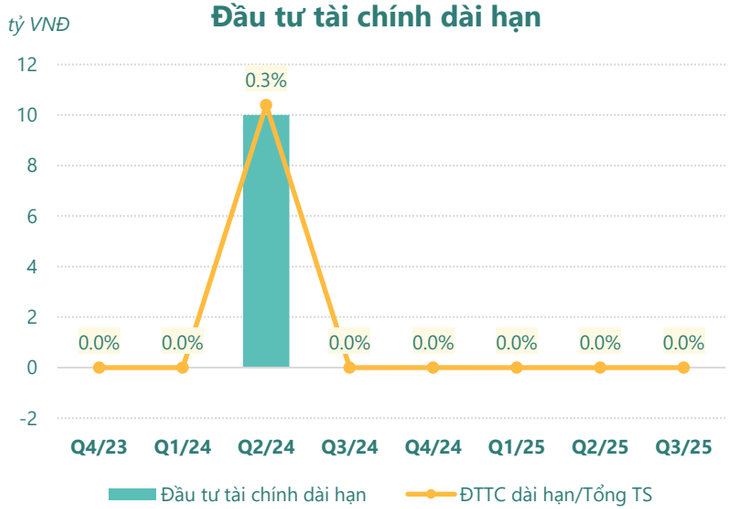
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



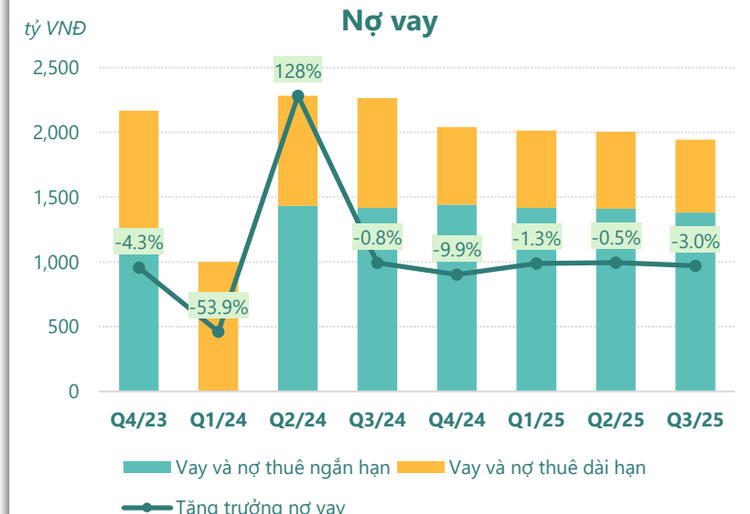
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

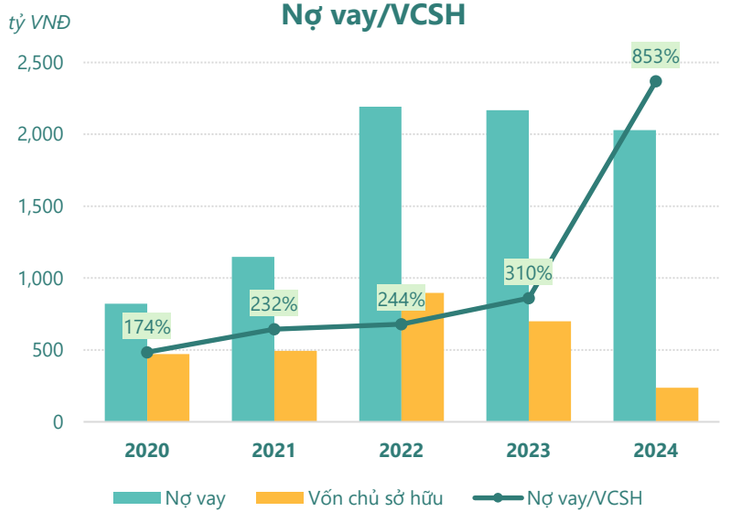
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

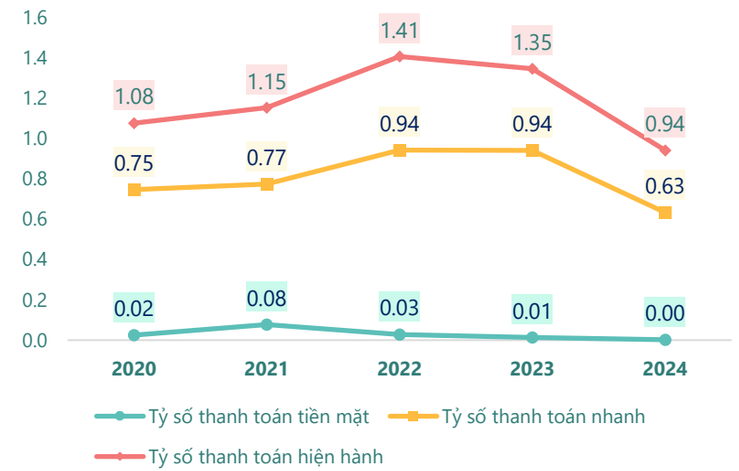
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



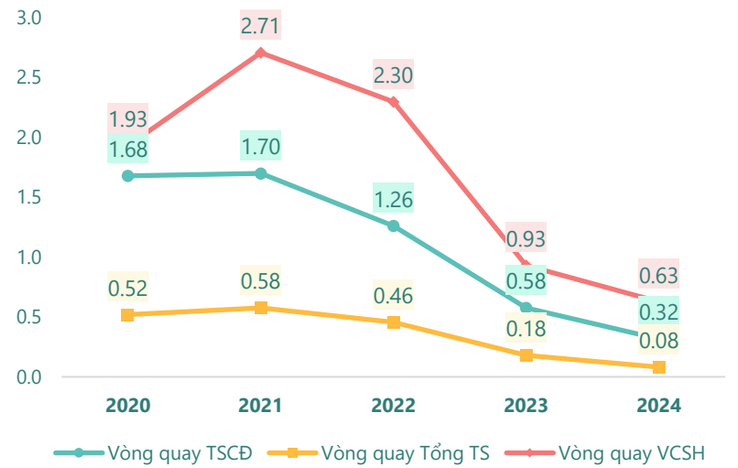
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



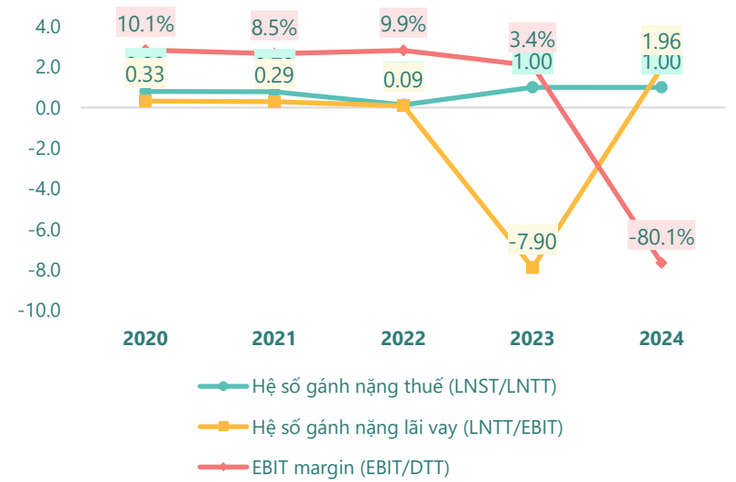
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



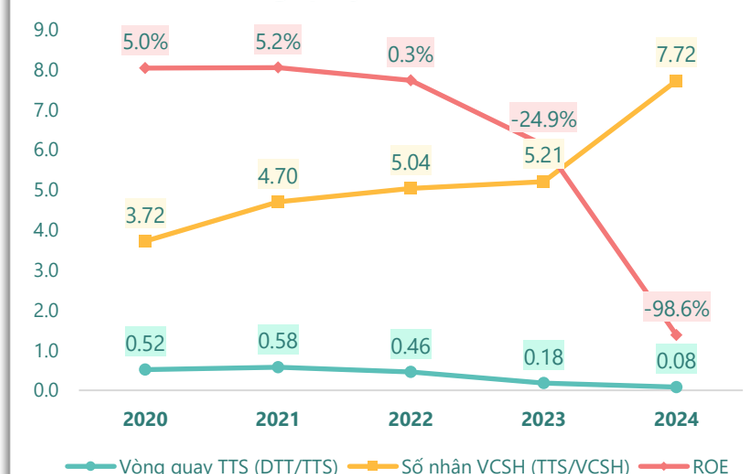
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



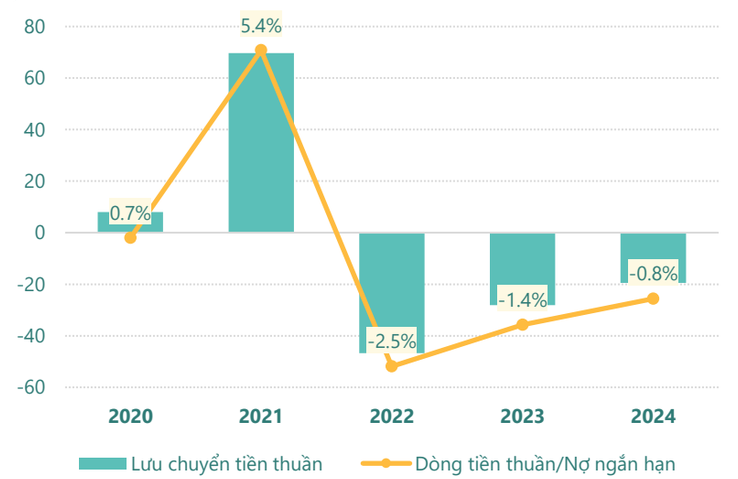
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**43.4**	**25.8**	**68.1%**	**162**	**107**	**51.0%**
Giá vốn hàng bán	28.7	23.7	21.1%	201	112	79.1%
Lợi nhuận gộp	14.7	2.08	605%	-39.4	-5.17	-662%
Doanh thu HĐTC	0.00	2.91	-100.0%	0.02	9.24	-99.8%
Chi phí TC	378	54.2	597%	674	180	274%
Chi phí lãi vay	52.1	54.2	-3.9%	139	161	-13.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.96**	**3.51**	**-44.1%**	**5.35**	**11.0**	**-51.4%**
LN thuần từ HĐKD	-365	-52.8	-591%	-719	-187	-284%
Lợi nhuận khác	**-3.12**	**-0.21**	**-1386%**	**7.62**	**-0.93**	**916%**
LN trước thuế	-368	-53.0	-594%	-711	-188	-278%
Lợi nhuận sau thuế	**-368**	**-53.0**	**-594%**	**-711**	**-188**	**-278%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-368**	**-53.0**	**-594%**	**-711**	**-188**	**-278%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-165	0.33	-150	12.3	21.4	85.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-7.47	0.41	155	0.00	-12.6	8.18
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	175	-18.2	-4.66	-14.6	-9.51	-93.6
Tiền đầu kỳ	20.5	22.7	5.20	5.21	2.94	2.21
Lưu chuyển tiền thuần	**2.18**	**-17.5**	**0.01**	**-2.27**	**-0.73**	**0.36**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	22.7	5.20	5.21	2.94	2.21	2.56

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,816**	**3,291**	**-14.4%**
Tài sản ngắn hạn	2,125	2,311	-8.0%
Tiền và tương đương tiền	2.56	5.21	-50.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,418	1,523	-6.9%
Hàng tồn kho	702	757	-7.3%
Tài sản ngắn hạn khác	2.74	25.6	-89.3%
Tài sản dài hạn	**690**	**980**	**-29.6%**
Phải thu dài hạn	2.29	28.3	-91.9%
Tài sản cố định	512	775	-33.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	166	162	2.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**10.4**	**15.1**	**-31.5%**
Lợi thế thương mại	0.02	0.03	-10.0%
Nợ phải trả	3,289	3,053	7.7%
Nợ ngắn hạn	**2,722**	**2,455**	**10.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,381	1,431	-3.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	296	519	-42.9%
Nợ dài hạn	568	599	-5.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	564	598	-5.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-473**	**238**	**-299%**
Vốn chủ sở hữu	**-473**	**238**	**-299%**
Vốn điều lệ	800	800	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)